

Số: /KH-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Giáo dục thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, sẵn sàng tham gia vào mạng lưới Giáo dục thông minh toàn quốc

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 5362/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

Trên cơ sở đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 720/TTr-SGDĐT ngày 08/4/2022; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Giáo dục thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, sẵn sàng tham gia vào mạng lưới Giáo dục thông minh toàn quốc; với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tăng cường ứng dụng CNTT và xây dựng nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Giáo dục thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, sẵn sàng tham gia vào mạng lưới Giáo dục thông minh toàn quốc, tạo đột phá trong đổi mới hoạt động

giáo dục và đào tạo; đổi mới quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục.

b) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, bồi dưỡng, tập huấn (bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, giúp kết hợp học trên lớp và học trực tuyến), kiểm tra - đánh giá. 100% cơ sở giáo dục có Trang thông tin điện tử, cung cấp đầy đủ thông tin (*cơ sở vật chất, chương trình học, đội ngũ,...*) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Người học ứng dụng công nghệ thông tin để trao đổi học liệu, bài tập, tự kiểm tra việc chuẩn bị nội dung trước mỗi buổi học.

c) Tập trung chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục, hoàn thiện hệ thống văn phòng điện tử, cổng dịch vụ công và một cửa điện tử, thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3, 4; xây dựng nền quản trị giáo dục thông minh góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính.

2. Yêu cầu

a) Việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch phải bám sát Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tạo điều kiện thuận lợi nhất trong khuôn khổ quy định của pháp luật đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

b) Triển khai nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Giáo dục thông minh phải được tiến hành đồng bộ, bao quát, có hệ thống trong tổng thể Chương trình chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi số của tỉnh; được triển khai từng bước có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao trong từng giai đoạn, nhất là trong giai đoạn thực hiện chủ trương thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các đơn vị, cơ sở giáo dục (nhất là người đứng đầu đơn vị), các doanh nghiệp, cộng đồng về vai trò và lợi ích của chuyển đổi số, của CNTT&TT trong lĩnh vực giáo dục.

- Tăng cường sự tham gia của người dân, tổ chức và doanh nghiệp cùng góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích của chuyển đổi số. Triển khai các kênh hỗ trợ trực tiếp, trực tuyến (báo, tạp chí điện tử, phát thanh - truyền hình, mạng xã hội...), tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh, học sinh, cộng đồng khi sử dụng các dịch vụ giáo dục trực tuyến.

- Thúc đẩy nghiên cứu, sáng tạo và thử nghiệm các công nghệ số trong giáo dục, tổ chức kết nối, tập hợp, thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển các sản phẩm ứng dụng, nền tảng giáo dục số.

- Xây dựng quy định về đảm bảo an toàn thông tin, đảm bảo an ninh mạng trên phạm vi toàn ngành trên nền tảng chung chính sách của tỉnh.

- Biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục của tỉnh.

2. Phát triển nền tảng số

- Rà soát và có kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, dạy môn Tin học, dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; đảm bảo kết nối cáp quang Internet tới các cơ sở giáo dục.

- Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị CNTT đáp ứng yêu cầu cho hoạt động chuyên môn, ổn định, chính xác, an toàn, bảo mật các hệ thống thông tin và các ứng dụng phục vụ cho công cuộc chuyển đổi số của ngành GDĐT. Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT. Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin.

- Duy trì và mở rộng việc triển khai hệ thống chữ ký số cá nhân, chữ ký điện tử tại các đơn vị trực thuộc; từng bước tích hợp chữ ký số vào các ứng dụng CNTT trong ngành GDĐT.

- Ưu tiên hỗ trợ kinh phí đầu tư trang thiết bị, máy tính kết nối mạng internet cho các trường ở vùng khó khăn hoặc chưa có thiết bị kết nối; huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy - học trực tuyến cho học sinh và giáo viên ở những nơi còn khó khăn; đề nghị các nhà mạng trên địa bàn có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đặc biệt về dịch vụ Internet (đặc biệt là giảm giá cước 3G, 4G, 5G) cho học sinh, giáo viên và nhà trường sử dụng dạy học trực tuyến.

a) Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy, học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người học và đội ngũ giáo viên.

b) Hình thành, phát triển hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm, thực hành (Lab) hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), công nghệ học máy, công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực nghiên cứu, thực hành.

3. Phát triển dữ liệu

- Thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

- Hoàn thiện CSDL ngành Giáo dục tỉnh về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; tích hợp các hệ thống thông tin quản lý ngành hiện có vào CSDL ngành.

- Đảm bảo tỷ lệ hồ sơ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- 100% đơn vị áp dụng chữ ký số trong văn bản điện tử.

- 100% đơn vị thuộc ứng dụng hiệu quả hệ thống phần mềm dùng chung và phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác.

4. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ hoạt động như: Phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành; hệ thống thông tin báo cáo; họp trực tuyến; làm việc từ xa; phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ; thanh toán không dùng tiền mặt; phục vụ các công tác khác...

- Duy trì và mở rộng việc triển khai hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa. Ưu tiên triển khai dịch vụ trực tuyến về xét tuyển học sinh đầu cấp mức độ 3, mức độ 4; tiếp tục sử dụng có hiệu quả hệ thống quản lý hành chính điện tử (e-office), liên thông trao đổi văn bản điện tử giữa tất cả các cơ sở giáo dục với các cơ quan quản lý giáo dục ở địa phương, với Sở Giáo dục và Đào tạo; giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trên nền tảng CSDL, các cơ sở giáo dục tích hợp và tiếp tục hoàn thiện việc triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử gồm: Sổ điểm điện tử, học bạ điện tử (có thể in ra từ phần mềm, đáp ứng đúng - đủ nội dung, có xác nhận của người có thẩm quyền hoặc gắn chữ ký số), thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành Giáo dục; triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với nhà trường trên nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động, máy tính và website các cơ sở giáo dục.

5. Bảo đảm an toàn thông tin

- Xây dựng, ban hành, thường xuyên rà soát, cập nhật các kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

- Hoàn thành triển khai, nâng cấp và duy trì bảo đảm an toàn thông tin mô hình 4 lớp (*Kiến toàn lực lượng tại chỗ; Lựa chọn tối thiểu một tổ chức, doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; Định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá độc lập; Kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia*) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động của cơ quan, tổ chức.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc

theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp và hệ thống trung tâm dữ liệu.

- Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

6. Phát triển nguồn nhân lực

- Tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo nâng cao trình độ ứng dụng CNTT, về Chính quyền điện tử/Chính quyền số và an toàn thông tin mạng.

- Đào tạo kỹ năng số cho công chức, viên chức, người lao động.

- Ứng dụng các nền tảng đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến.

7. Huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

a) Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức và hiệp hội về công nghệ thông tin trong và ngoài nước, chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài để giới thiệu các giải pháp công nghệ tiên tiến về công nghệ giáo dục và chuyển đổi số áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Phối hợp với doanh nghiệp công nghệ thông tin phát triển các ứng dụng giáo dục trên các thiết bị cầm tay, thiết bị di động để người dân có thể dễ dàng tiếp cận các dịch vụ giáo dục ở mọi lúc, mọi nơi;

b) Thu hút nguồn vốn của doanh nghiệp thông qua hình thức đối tác công tư (PPP) để đầu tư xây dựng các nền tảng số và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo, ưu tiên cho phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu số dùng chung, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục;

c) Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp sản xuất, phân phối trang thiết bị số để hỗ trợ, ưu đãi cung cấp sản phẩm công nghệ thông tin cơ bản (máy tính, máy tính xách tay, máy tính bảng) tích hợp các phần mềm ứng dụng và tính năng an toàn, bảo mật cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học phục vụ hoạt động dạy, học trong các nhà trường.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

2. Nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh việc đảm bảo tiến độ và kết quả thực hiện Kế hoạch. Kịp thời tổng hợp, báo

cáo UBND tỉnh để theo dõi, chỉ đạo đối với các nội dung khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền (nếu có).

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Giáo dục thông minh trong các sở sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và đơn vị liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp CNTT áp dụng các cơ chế, chính sách ưu đãi khi doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng, triển khai nền tảng số trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Công an tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin phục vụ triển khai thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương trình các cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

4. Sở Kế hoạch và đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương trình các cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí vốn đầu tư để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

5. UBND các huyện, thị xã, thành phố

UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch và chủ động bố trí ngân sách để thực hiện Kế hoạch.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh cho Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể;
- UBND các huyện, TX, TP;
- CVP, PVP VX;
- Lưu: VT, K9.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang